

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thu Vân.

2. Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TB-TLVA ngày 28 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp MH, xã TPh, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp MH, xã TPh, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 16 tháng 01 năm 2019 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Qua mai mối, bà và ông Nguyễn Văn Ch tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống gia đình, ông Ch thường xuyên chửi mắng và ghen tuông vô cớ. Hiện ông bà vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ăn riêng, ngủ riêng và sống ly thân nhau từ năm 2015. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Ông bà chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 01/5/1989 và Nguyễn Thị Thu Th1, sinh ngày 26/12/1997. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15 tháng 02 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị Ph tổ chức lễ cưới và chung sống từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn do bận công việc và nghĩ đã có con chung nên không cần thiết đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có cãi vã chuyện kinh tế gia đình nhưng chưa đến mức trầm trọng. bà Ph trình bày vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, sinh hoạt riêng là có nhưng ông ăn riêng vì ông đã ăn ở công ty nên không ăn cơm ở nhà. Trong thời gian hai năm qua, ông nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mỗi khi ông muốn trao đổi thì bà Ph không nghe mà cự cãi lại. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Ph, ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ.

Về con chung: Ông thống nhất với bà Ph về hai con chung. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch đồng ý ly hôn với bà Ph, vẫn giữ nguyên ý kiến về con chung và quan hệ tài sản chung.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph và bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày thống nhất với nhau như sau: Bà Ph và ông Ch cưới

nhau và chung sống từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 01/5/1989 và Nguyễn Thị Thu Th1, sinh ngày 26/12/1997. Ông bà chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống chung nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, sinh hoạt riêng và sống ly thân nhau. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ch tự nguyện chung sống vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, bà Ph và ông Ch có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau nhưng đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ch.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ch thống nhất có hai con chung tên 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 01/5/1989 và Nguyễn Thị Thu Th1, sinh ngày 26/12/1997. Hiện các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ch là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Ch 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 01/5/1989 và Nguyễn Thị Thu Th1, sinh ngày 26/12/1997 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ph đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009311 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Trúc